



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 21 (20/05-24/05/24)

*Khả năng Việt Nam được công nhận là
nền kinh tế thị trường*

NỘI DUNG

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index áp sát kênh giá với thanh khoản trung bình*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +4.37%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	17/05/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5,303	0.1%	1.5%	6.8%	20.3%
EU (EURO STOXX 50)	5,064	-0.2%	-0.4%	3.0%	15.2%
Trung Quốc (SHCOMP)	3,154	1.0%	0.0%	2.9%	-3.6%
Nhật Bản (NIKKEI)	38,787	-0.3%	1.5%	4.6%	15.1%
Hàn Quốc (KOSPI)	2,725	-1.0%	-0.1%	5.1%	3.8%
Singapore (STI)	3,313	0.3%	0.7%	4.3%	1.6%
Thái Lan (SET)	1,383	0.4%	0.8%	3.8%	-11.3%
Phillipines (PCOMP)	6,619	-0.1%	1.6%	2.7%	1.7%
Malaysia (KLCI)	1,617	0.3%	1.0%	4.5%	16.4%
Indonesia (JCI)	7,317	1.0%	0.0%	3.2%	9.2%
Việt Nam (VNI)	1,273	0.3%	2.3%	8.4%	14.2%
Việt Nam (HNX)	242	0.6%	2.5%	9.4%	5.7%
Việt Nam (UPCOM)	93	0.4%	1.5%	6.8%	10.0%

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	17/05/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Bạc	USD/ozt	31.5	6.5%	11.7%	9.8%	30.1%
Niken	USD/MT	20,944.2	6.5%	11.5%	8.9%	-8.8%
Nhôm	USD/MT	2,584.2	1.0%	4.1%	-2.6%	15.8%
Cao su	JPY/kg	320.3	0.8%	3.7%	-3.5%	54.8%
Xăng	USd/gal.	257.4	1.4%	3.0%	-5.0%	-4.0%
Vàng	USD/ozt	2,415.2	1.6%	2.3%	1.0%	23.4%
Dầu WTI	USD/bbl.	80.1	1.0%	2.3%	-3.7%	11.5%
Đậu tương	USd/bu.	1,228.0	1.0%	1.9%	6.7%	-16.3%
Dầu Brent	USD/bbl.	84.0	0.9%	1.4%	-3.8%	9.6%
Thép HRC	USD/T.	787.0	0.1%	0.9%	-6.6%	-15.1%
Quặng	CNY/MT	890.5	-0.4%	0.0%	-2.3%	1.9%
Than đá	USD/MT	141.5	-1.4%	-2.0%	8.3%	10.2%
Đường	USD/MT	534.7	-0.3%	-6.1%	-5.1%	-23.9%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Các TTCK chủ chốt duy trì đà tăng điểm đón nhận thông tin CPI tích cực

- TTCK Hoa Kỳ tăng bình quân trên 1%, EU600 +0.6%, Nikkei 255 +1.4%.
- Chỉ số hàng hóa tăng 0.1%, trong đó giá dầu +1.7%, gas +11% và kim loại quý như vàng (+1.1%), bạc (+5.4%).
- Chỉ số DXY -0.7% và TP Hoa Kỳ 10y -0.13% trong tuần.

CPI tháng 4 Hoa Kỳ tăng 0.3% tháng 3, thấp hơn 0.4% so với dự báo; CPI lõi tăng 0.3% mom và 3.6% yoy đang là mức thấp trong 12 tháng (Chi phí nhà ở tăng 0.4% và 5.5% so với tháng trước và cùng kỳ, vẫn là yếu tố đau đầu với FED). CPI thấp mang lại kỳ vọng cho NĐT về việc FED sớm giảm lãi suất đã hỗ trợ cho TTCK tích cực trong tuần qua.

Tuần tới, các thị trường sẽ chờ đợi biên bản chính tiền tệ NHTW các nước Úc, Anh và đặc biệt biên bản FOMC. Nhà đầu tư sẽ có thêm thông tin để đánh giá và điều chỉnh nhận định cũng như kỳ vọng ngắn hạn.

TTCK VIỆT NAM

TT quay đầu ngọan mục sau nhịp quá bán.

VN-Index tăng 1.5%, nối dài chuỗi 4 tuần tăng điểm liên tiếp. Thị trường ghi nhận 70% cổ phiếu tăng điểm và 17/19 ngành tăng điểm.

- Ngành ngân hàng tăng tốt giúp cho sự dịch chuyển từ cổ phiếu nhỏ sang CP lớn thành công khi đón nhận thông tin đề xuất gia hạn TT02 đến hết năm 2024.
- Dòng tiền vận động tích cực qua nhiều nhóm ngành, 3 ngành tăng trên 3%. Ngành và cổ phiếu tăng mạnh là nhóm chưa tăng hoặc có KQKD Q1 tích cực.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng 84 triệu USD.

Sau phiên chạy đà, VN-Index đã vượt kênh giá giảm và tiến sát kênh trên vùng đỉnh cũ 1,285 - 1,300 điểm. NĐT vẫn cần tránh mua đuổi trong quá trình chỉ số xác nhận lại chu kỳ tăng giá trung dài hạn kể từ tháng 11/2022.

Kỳ họp thứ 7, QH khóa XV dự kiến từ 20/5 - 27/6, sẽ thông qua nhiều nội dung quan trọng về lập pháp, kinh tế XH, ngân sách... Ngoài ra đề xuất giảm thuế VAT 2% hết năm và áp dụng Luật BĐS từ 1/7 được thị trường rất quan tâm.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường

1. Ý nghĩa chính trị

a. Các mốc lịch sử quan trọng trong mối quan hệ Mỹ và Việt Nam kể từ sau chiến tranh

- Các mốc lịch sử chính trị, ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam



CHUYÊN MỤC TUẦN: Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường

- Các mốc lịch sử liên quan đến thương mại, kinh tế giữa hai quốc gia

2001

Sau khi mở rộng quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR) cho Việt Nam vào năm 2001, Mỹ coi Việt Nam như nền kinh tế phi thị trường (NME) với mục đích chống bán phá giá và chống trợ cấp (AD/CVD)

2002

Việt Nam bị Mỹ coi là NME khi điều tra Chống bán phá giá với mặt hàng xuất khẩu cá da trơn (Catfish).

2010

Mỹ coi Việt Nam là đối tác chiến lược.

09/2023

Mỹ coi Việt Nam là đối tác chiến lược toàn diện

30/10/2023

Bộ thương mại Mỹ xem xét lại tình trạng nền kinh tế Việt Nam

09/05/2024

Tổng thống Mỹ trong những nỗ lực nhằm tăng cường quan hệ với Việt Nam, đẩy mạnh cuộc thảo luận liên quan để khả năng coi Việt Nam như là nền kinh tế thị trường.

26/07/2024

Bộ thương mại Mỹ sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có nâng hạng cho Việt Nam từ NME sang thành ME hay không (sau 270 ngày kể từ lần thiết lập bản đánh giá)

b. Cập nhật tình hình công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường

Trên quan điểm của pháp luật Hoa Kỳ: Nền kinh tế phi thị trường (Non-market economy – NME) là nước mà bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đánh giá là có nền kinh tế vận hành không theo nguyên tắc về chi phí và cấu trúc giá thông thường. Từ đó, việc đánh giá một quốc gia là nền kinh tế phi thị trường hay không sẽ khiến cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra các loại thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp lên các sản phẩm đến từ quốc gia đó. DOC đánh giá tính chất “thị trường” hay “phi thị trường” dựa trên 6 yếu tố cơ bản:

- Mức độ tự do chuyển đổi của đồng nội tệ;
- Mức độ mà tiền lương được xác định bằng việc tự do thương lượng giữa người lao động và người quản lý;
- Mức độ cho phép các liên doanh hoặc đầu tư nước ngoài;
- Mức độ chính phủ sở hữu hoặc kiểm soát phương tiện sản xuất;
- Mức độ kiểm soát của chính phủ đối với việc phân bổ các nguồn lực và đối với các quyết định về sản lượng và giá cả của các doanh nghiệp; và
- Các yếu tố khác mà DOC cho là hợp lý.

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường*

Mặc dù các tiêu chuẩn để xác định nền kinh tế thị trường hay phi thị trường được qui định khá rõ ràng trong pháp luật Hoa Kỳ, nhưng những tiêu chí để đánh giá khi nào yếu tố đã được thỏa mãn thì lại không được xác định cụ thể. Do đó, đôi khi việc công nhận tính chất của một nền kinh tế lại phụ thuộc khá nhiều vào quan điểm chủ quan của DOC.

Tính đến thời điểm hiện tại, có 12 quốc gia bị DOC kết luận là nền kinh tế phi thị trường. Cụ thể: Armenia, Azerbaijan, Belarus, Trung Quốc, Georgia, Kyrgyz Republic, Moldova, Liên bang Nga, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan, và Việt Nam.

Trong hai thập kỷ qua, Washington đã nhiều lần áp đặt thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với các sản phẩm của Việt Nam. Vào ngày 08/09/2023, Chính phủ Việt Nam đã chính thức yêu cầu DOC xem xét công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường. Ngày 08/05/2024, DOC đã tổ chức phiên điều trần để xem xét hồ sơ, và quy trình điều tra này, tính từ ngày đề xuất chính thức tới ngày đưa ra quyết định là 270 ngày, dự kiến, ngày 26/07/2024, DOC sẽ chính thức có kết luận cuối cùng.

Hiện tại, có 72 quốc gia, bao gồm các nền kinh tế lớn như Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, và gần đây nhất là Vương Quốc Anh đã có thư chính thức công nhận nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Việt Nam đang tham gia vào 16 hiệp định thương mại song phương và đa phương với hơn 60 đối tác trên toàn thế giới. Hơn thế nữa, tại Mỹ, cũng có những tổ chức ủng hộ Việt Nam, có thể kể đến như là Liên đoàn bán lẻ Quốc gia Mỹ (NRF), phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (AmCham Việt Nam). Rõ ràng, đây là điểm cộng lớn cho Việt Nam, có thể làm thay đổi quan điểm về những người đang phản đối việc công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường.

Nhưng ở chiều ngược lại, cũng chứng kiến không ít các luồng ý kiến trái chiều. Ví dụ như các nhà sản xuất thép và các tập đoàn nông nghiệp của Mỹ như Hiệp hội chế biến tôm Mỹ (ASPA) bày tỏ quan ngại về tác động tiềm ẩn đối với các ngành công nghiệp nội địa của Mỹ vốn đang phải vật lộn với sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu của Việt Nam, và nhấn mạnh việc công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực hơn nữa đến các nhà sản xuất tôm nội địa. Các thành viên Quốc hội của Mỹ cũng phản đối. Khoảng 20 thành viên của Hạ Viện và một nhóm Thượng nghị sĩ phản đối, với lập luận rằng Họ lo ngại về vấn đề lương không đúng cơ chế thị trường, cùng với đó, hiện tại đang có rất nhiều hàng hóa Trung Quốc đến Mỹ thông qua Việt Nam.

c. Ý nghĩa chính trị và kỳ vọng

Những nỗ lực gần đây của Tổng thống Hoa Kỳ - Joe Biden nhằm tăng cường quan hệ với Việt Nam bằng việc thúc đẩy các bên liên quan tại Mỹ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường gặp không ít những khó khăn.

Có lo ngại hầu hết đến từ việc người Mỹ e ngại rằng hàng Trung Quốc sẽ đến Mỹ thông qua Việt Nam, điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng sản xuất của người Mỹ. Bên cạnh đó, một trong những tổ chức lớn mạnh nhất của Mỹ đó là những nhà sản xuất thép cũng lên tiếng phản đối. Cần nhớ rằng, đơn vị này đóng một vai trò quan trọng trong hồ nhiều tổng thống Mỹ. Sự kiện sẽ diễn ra vào tháng 11 năm nay, khi mà các doanh nghiệp sản xuất thép chủ đạo nằm ở bang

CHUYÊN MỤC TUẦN: Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường

Nếu thành công, ở tương lai gần, các gã khổng lồ đã và đang đầu tư ở Việt Nam có thể mở rộng khoản đầu tư của họ hơn nữa như: Intel, Cargill, Nike, AES, Murphy Oil, First Solar, Boeing và Apple (Mỹ) hay Samsung (Hàn Quốc). Ở tương lai xa có thể là Châu Âu. Mặc dù đã có những ký kết thông qua hiệp định thương mại tự do từ năm 2015, nhưng ngay thời điểm đó, người đại diện của phía EU cũng nhấn mạnh rằng, thông qua các hiệp định thương mại tự do không đồng nghĩa với việc công nhận Việt Nam như một quốc gia có nền kinh tế thị trường.

Tóm lại, việc được công nhận nền kinh tế thị trường giúp Việt Nam thu hút được nhiều vốn đầu tư FDI, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu, cải thiện năng suất lao động, tránh được bẫy thu nhập trung bình và mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ý nghĩa kinh tế của sự kiện này sẽ được thảo luận kỹ hơn trong phần 2.

2. Ý nghĩa kinh tế

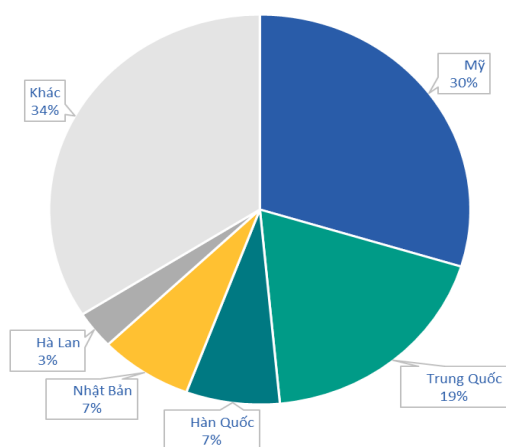
a. Tác động tới nền kinh tế Việt Nam

Hiện tại, Hoa Kỳ vẫn coi Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường. Trong trường hợp Hoa Kỳ tổ chức điều tra chống bán phá giá với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ sử dụng giá trị của một nước thứ 3 (được coi là nền kinh tế thị trường) để tính toán chi phí sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam thay vì sử dụng dữ liệu thực. Điều này khiến con số được tính toán ra có thể có biên độ phá giá lớn, khiến mức thuế chống bán phá giá VN phải chịu cao hơn. Nếu trong tháng 7 năm nay Hoa Kỳ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường, thì trong trường hợp bị điều tra, Hoa Kỳ sẽ lấy chính giá sản xuất của Việt Nam, phần nào phản ánh chính xác nền kinh tế trong nước hơn.

BSC đánh giá, việc Hoa Kỳ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường sẽ có tác động tích cực trong dài hạn hơn là ngắn hạn.

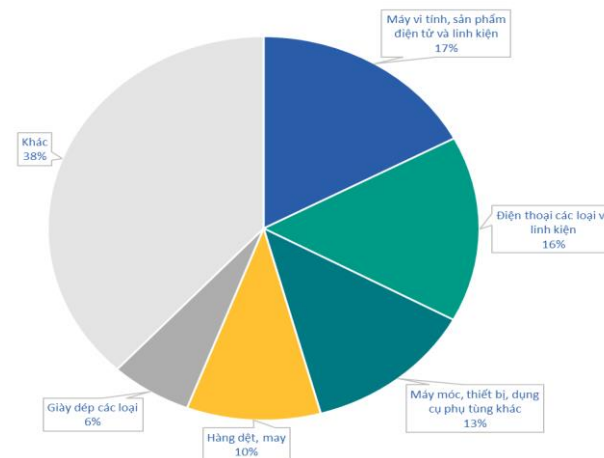
- **Ảnh hưởng tích cực đối với xuất khẩu.** Hiện tại Hoa Kỳ là quốc gia xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam với giá trị xuất khẩu năm 2023 đạt 97 tỷ USD, chiếm tỷ trọng ~30%. Việc công nhận VN là nền kinh tế thị trường sẽ làm giảm rủi ro chịu thuế chống bán phá giá trong tương lai, giúp hàng hóa Việt Nam có cơ hội cạnh tranh công bằng hơn tại thị trường này.

Đồ thị 01: Tỷ trọng các quốc gia xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Đồ thị 02: Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: FiinProX, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Khả năng Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường

- **Ảnh hưởng tích cực đối với tỷ giá.** Xuất khẩu tăng góp phần làm tăng giá trị đồng nội tệ, đồng thời giúp SBV có thêm dư địa để sử dụng các biện pháp ổn định tỷ giá khi cần thiết.

- **Ảnh hưởng tích cực đối với dòng vốn FDI.** Đa phần các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam đều là doanh nghiệp FDI (tính đến tháng 12/2023, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt 355 tỷ USD chiếm hơn 73% tổng giá trị xuất khẩu). Việc giảm thiểu rủi ro liên quan đến thuế chống bán phá giá sẽ tạo ra một sân chơi an toàn, lành mạnh hơn cho các doanh nghiệp. Bên cạnh xu hướng dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc, điều này cũng sẽ góp phần thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam hơn nữa.

b. Tác động đến ngành/doanh nghiệp

Ngành	Đánh giá ảnh hưởng	Tỷ trọng xuất khẩu	Cổ phiếu lưu ý
Thủy sản	Tích cực	19.50%	Nhóm cá tra (VHC, ANV, IDI): tăng sản lượng xuất khẩu vào Mỹ nhờ thuế bán phá giảm kì vọng giảm giúp các doanh nghiệp dễ dàng xuất khẩu vào Mỹ hơn (hiện tại chỉ có một số ít doanh nghiệp được hưởng mức thuế bán phá giá 0.0 USD/kg như VHC, ANV, IDI) Nhóm tôm (FMC, MPC): tương tự nhóm cá nhờ giảm thuế bán phá giá sẽ giúp các sản phẩm tôm đông lạnh tăng tính cạnh tranh so với các đối thủ như Ecuador, Trung Quốc, Ấn Độ,...
Dệt may	Tích cực	50%	Nhóm may mặc (TNG, MSH): tác động không nhiều, do thuế quan của ngành dệt may chủ yếu ảnh hưởng bởi các hiệp định FTA. Nhóm sợi (STK): tác động tích cực do hiện tại sợi PTY đang được áp mức thuế chống bán phá giá từ 2.67% - 22.82%
Gỗ	Trung Lập	54%	PTB, ACG: đối với các sản phẩm gỗ tại Việt Nam, Mỹ chủ yếu đánh các loại thuế chống lẩn tránh nhằm phòng vệ đối với các sản phẩm Trung Quốc xuất sang Việt Nam và sau đó tái xuất sang Trung Quốc
Đá thạch anh	Trung Lập	35% - 40%	VCS: tương tự xuất gỗ, Mỹ chủ yếu đánh các loại thuế chống lẩn tránh nhằm phòng vệ đối với các sản phẩm Trung Quốc xuất sang Việt Nam và sau đó tái xuất sang Trung Quốc.
Tôn mạ	Tích cực	10%-30%*	Nhóm tôn mạ: Tác động tích cực do một số sản phẩm Việt Nam bị áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp do có nguồn gốc thép cuộn cán nóng xuất xứ từ Trung Quốc
Sắt thép	Trung Lập	20% - 30%	Nhóm sắt thép: + Lớp bán thép và lớp tải nhẹ (CSM): có tác động tích cực do hiện đang chịu mức thuế 6% khi xuất khẩu sang Mỹ + Lớp tải nặng (DRC): không chịu thuế chống trợ cấp khi xuất khẩu sang Mỹ

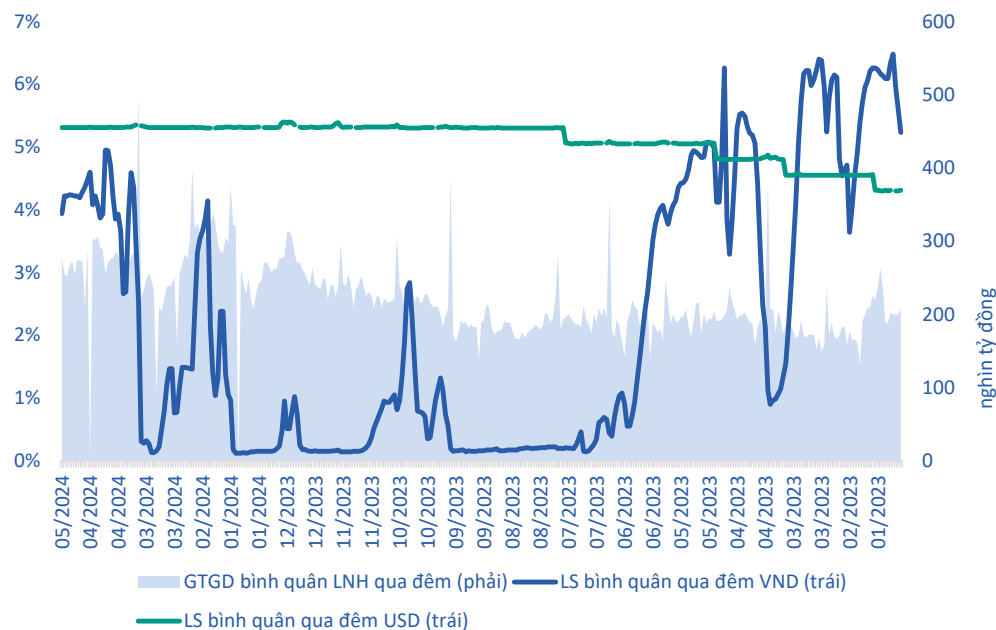
*: Tùy doanh nghiệp

- Tham khảo thêm chi tiết về thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ tại **Báo cáo tuần 18:**

[Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên thị trường mở (OMOs)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Số dư bill
Tuần 12	69,699.9		(69,699.9)	(144,698.8)
Tuần 13	26,500.0		(26,500.0)	(171,198.8)
Tuần 14	1,600.0	8,465.5	6,865.5	(164,333.3)
Tuần 15	33,715.5	84,998.9	51,283.4	(113,049.9)
Tuần 16	23,100.0	102,563.0	79,463.0	(33,586.9)
Tuần 17	44,263.1	144,305.1	100,042.0	66,455.1
Tuần 18	10,200.0	2,158.6	(8,041.4)	58,413.7
Tuần 19	152,303.7	32,588.2	(119,715.5)	(61,301.8)
Tuần 20	13,506.0	20,606.0	7,100.0	(54,201.8)

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.16%	4.33%	4.57%	4.96%
So với tuần trước	-0.07%	-0.10%	0.13%	0.02%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	262,745.0	15,015.8	3,850.0	3,162.5
So với tuần trước	-2.45%	-20.70%	-12.45%	9.47%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 16/05/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 20, SBV đã phát hành 33,940.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 7,338.2 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 7,100.0 qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng vẫn ở mức cao.

PTKT: VN-Index vượt kênh giá giảm và áp sát đỉnh năm 2024

Đồ thị ngày: Sau 2 phiên điều chỉnh đầu tuần, VN-Index có phiên phiên breakout kênh giá giảm trong phiên 15/4 và phiên tăng điểm theo đà 16/4 qua đó tiếp tục củng cố xu hướng hồi phục ngắn hạn. Chỉ số cũng vượt SM50 sau 5 phiên giao dịch giằng co quanh ngưỡng này. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục tăng về gần vùng quá mua và chưa tạo dấu hiệu phân kỳ hỗ trợ xu hướng tăng tiếp tục.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 54 lên 63 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và vượt qua mức 0. Thanh khoản tăng 8% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index vượt trên các đường SMA 20, 50, 100 và SMA 200.

Kết luận: VN-Index vượt kênh giá kháng cự và cơ bản hoàn thành mô hình chữ V. Vận động giá đã lấy lại độ dốc sau 1 tuần giao dịch giằng co dưới ngưỡng kháng cự. Cây nến chỉ hướng đã xuất hiện củng cố xu hướng hồi phục như đề cập tuần trước. Tâm lý tăng nghi ngờ dần giải tỏa với 3 phiên thanh khoản cải thiện vào cuối tuần. Chỉ số sẽ tiếp tục áp sát đỉnh trong năm từ 1,285 – 1,300 điểm trong tuần tới. Các nhịp rung lắc sẽ sớm diễn ra trước khi chỉ số quay lại xu hướng tăng điểm trung dài hạn xác lập từ tháng 11/2023.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% Tăng	Điểm số
LPB	15.42	1.95
VPB	4.86	1.76
VIC	4.11	1.74
GVR	5.37	1.68
MSN	6.64	1.66
HPG	3.78	1.65
FPT	2.67	1.10
TCB	2.58	1.08
MBB	2.88	0.84
HVN	5.91	0.65
Tổng		14.11

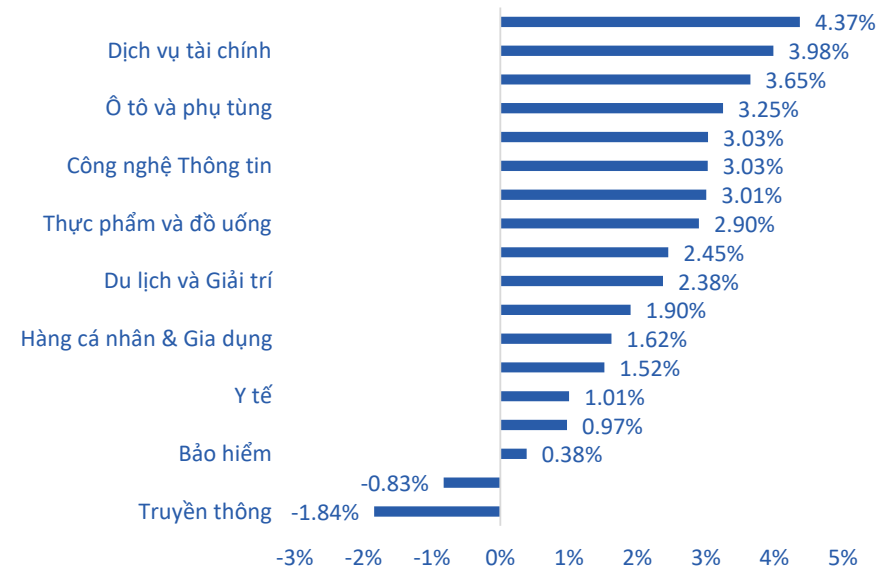
Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% Giảm	Điểm số
VCB	-0.22	-0.28
PLX	-1.66	-0.20
VHC	-1.69	-0.07
PGV	-1.18	-0.07
QCG	-5.20	-0.06
STG	-4.14	-0.05
SCS	-1.91	-0.04
SJS	-1.95	-0.04
PDN	-3.36	-0.04
CLW	-19.34	-0.03
Tổng		-0.87

Khối ngoại mua ròng	
Mã	Mua ròng (tỷ)
DBC	47.92
FUEVFNVD	45.14
HAG	42.29
NLG	38.83
DGW	37.70
MSN	37.00
NVL	33.02
HSG	28.63
STB	24.88
HAX	19.87
Tổng	355.27

Khối ngoại bán ròng	
Mã	Bán ròng (tỷ)
VHM	-148.15
VNM	-72.80
FPT	-66.01
MWG	-58.24
CMG	-56.06
VRE	-45.66
VPB	-44.91
KBC	-40.56
VEA	-40.32
CTG	-37.37
Tổng	-610.09

Vận động ngành

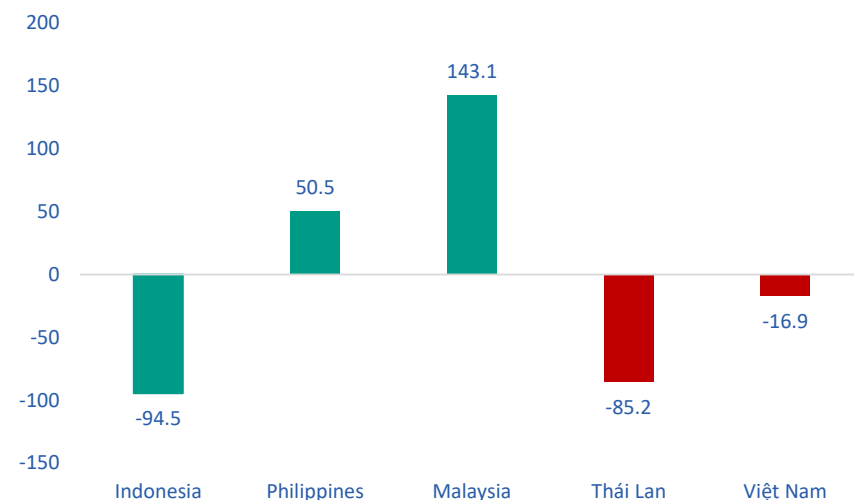
Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Hóa chất	1.41%	4.37%	15.10%
Dịch vụ tài chính	1.36%	3.98%	9.78%
Tài nguyên Cơ bản	0.18%	3.65%	11.76%
Ô tô và phụ tùng	1.03%	3.25%	9.17%
Xây dựng và Vật liệu	0.75%	3.03%	6.95%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(3.0)	(717.5)	(2,340.5)	(2,826.9)
Indonesia	-94.5	-495.7	-1636.2	49.5
Philippines	50.5	-26.8	-439	-276.4
Malaysia	143.1	-0.8	107.2	-1826.3
Thái Lan	-85.2	-193.7	-322.8	-724
Việt Nam	-16.9	-0.5	-49.7	-49.7
Các nước khác	2,743.4	2,204.1	(1,927.5)	16,323.6
Hàn Quốc	232.4	1240.7	3034.7	15223.5
Đài Loan	3692.8	4568.4	-259.9	4469.5
Ấn Độ	-1181.4	-3604	-4701.1	-3342.8
Sri Lanka	(0.40)	(1.00)	(1.20)	(26.60)

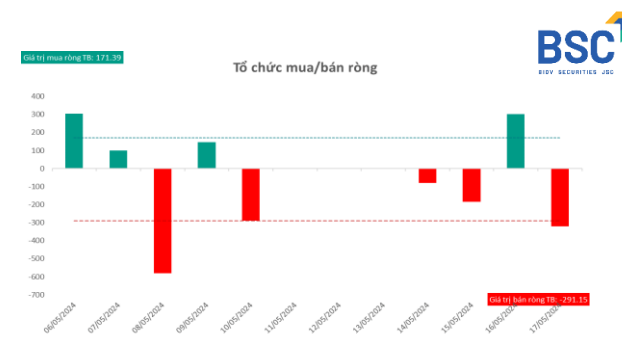
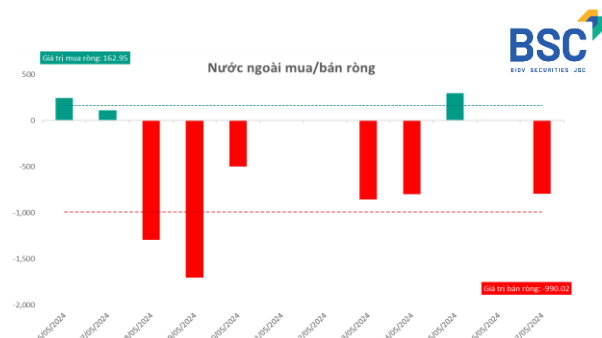
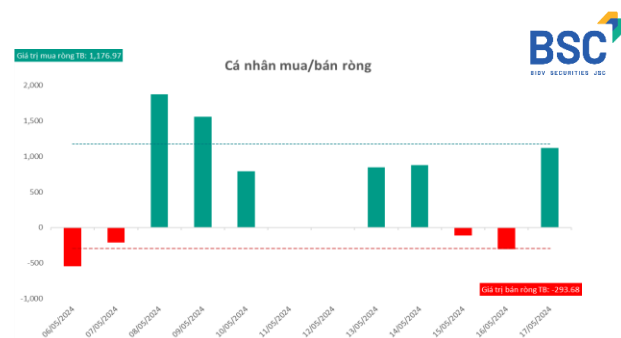


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Dec-23			Jan-24				Feb-24				Mar-24				Apr-24				May-24		
	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19
Tổng	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)	(31.95)	(39.26)	(12.63)	(16.61)
ETF ngoại	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)	(2.88)	7.37	18.42	(7.07)
Fubon	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)	5.13	7.37	9.83	(10.16)
VNM	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
FTSE	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)	(2.52)	0.00	8.59	3.09
iShare	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)	(5.49)	0.00	0.00	0.00
ETF nội	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)	(29.07)	(46.63)	(31.05)	(9.54)
Diamond	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82	(28.90)	(47.54)	(2.34)	(9.28)
E1	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)	(0.25)	0.59	(7.64)	(0.26)
Finlead	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)	0.08	0.32	(21.07)	0.00

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
DBC	7,247,500	239.09	MWG	1,576,601	(93.79)	MWG	12,759,745	769.30	VHM	18,753,939	(756.48)	VHM	17,716,639	714.96	MWG	(12,544,184)	(765.85)
TCB	2,652,661	130.54	HAH	2,000,361	(84.02)	NLG	3,516,819	152.55	CTG	12,567,037	(410.48)	CTG	11,509,521	375.81	DBC	(10,354,519)	(339.11)
VCB	869,520	79.99	STB	1,734,401	(46.48)	NVL	10,542,586	148.79	VPB	14,375,908	(273.21)	HDB	16,326,166	375.46	NLG	(4,286,514)	(184.39)
ACB	2,730,148	77.33	FUEVFNVD	1,189,900	(38.29)	HPG	2,841,412	91.21	KBC	6,034,093	(182.98)	ACB	13,363,797	374.83	SGT	(11,222,591)	(168.83)
VPB	3,578,099	68.79	YEG	2,500,000	(25.25)	DBC	2,698,319	87.04	VCB	1,821,255	(166.35)	HAH	7,894,796	328.71	DCM	(4,312,100)	(156.45)
HPG	1,728,973	53.86	FRT	128,300	(21.05)	HVN	3,717,575	78.13	CMG	2,659,561	(164.29)	MBB	10,592,026	244.11	HPG	(4,360,465)	(139.65)
GEX	2,374,700	53.09	DGC	133,900	(16.98)	DCM	2,077,900	75.08	MBB	6,905,659	(159.99)	FPT	1,855,829	242.22	HSG	(6,218,254)	(133.57)
VNM	745,200	49.91	PVT	506,500	(15.00)	HSG	3,215,554	69.64	PVD	4,393,542	(143.11)	VPB	9,530,309	179.63	NVL	(7,690,886)	(108.57)
E1VFN30	2,169,000	48.56	PVD	427,900	(14.21)	NKG	2,563,220	62.33	VRE	5,869,282	(132.42)	EVF	11,665,200	167.57	VNM	(1,453,524)	(98.11)
DCM	1,066,100	39.23	CTR	101,700	(13.56)	FUEVFNVD	1,660,010	53.14	GAS	1,655,726	(124.87)	VRE	6,925,383	156.20	TCB	(1,719,109)	(87.05)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	91.8	-0.90%	0.60	20,164.00	3.90	5,838.00	15.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	49.4	-0.50%	1.00	11,056.00	2.90	3,841.00	12.80	54,578	17.20%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	0.00%	1.00	6,049.00	9.40	1,397.00	13.90	23,685	27.50%	Link
TCB	Ngân hàng	49.8	-0.30%	1.10	6,887.00	12.40	5,600.00	8.90	-	22.30%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	-0.60%	1.00	4,831.00	14.10	3,818.00	6.10	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	28.5	0.40%	1.00	2,112.00	8.00	4,206.00	6.80	31,200	23.40%	Link
CTG	Ngân hàng	33.1	-0.30%	1.20	6,986.00	7.70	3,751.00	8.80	19,100	297.10%	Link
ACB	Ngân hàng	28.2	0.00%	0.80	4,312.00	9.40	4,072.00	6.90	42,500	30.00%	Link
SSI	Chứng khoán	36.4	0.80%	1.30	2,159.00	21.20	1,704.00	21.40	45,900	43.30%	Link
IDC	BDS KCN	62.7	-1.30%	1.20	813.00	9.50	5,880.00	10.70	-	23.10%	Link
HPG	VLXD	31.6	0.00%	1.20	7,221.00	35.60	1,601.00	19.70	23,300	25.40%	Link
HSG	VLXD	21.8	1.60%	1.60	529.00	7.50	1,423.00	15.40	79,900	20.00%	Link
VHM	BDS	41	1.50%	1.00	6,991.00	21.40	5,074.00	8.10	38,900	18.10%	Link
KDH	BDS	36.9	0.30%	1.40	1,159.00	4.60	726.00	50.90	44,100	39.90%	Link
NLG	BDS	44	0.00%	1.50	665.00	5.40	1,040.00	42.30	46,100	48.50%	Link
DGC	Hóa chất	126.2	0.20%	1.60	1,884.00	10.90	7,845.00	16.10	85,000	19.50%	Link
DCM	Phân bón	37.3	0.50%	1.30	776.00	7.30	2,313.00	16.10	41,000	9.00%	Link
GAS	Dầu khí	75.7	-0.30%	0.60	6,833.00	2.90	4,688.00	16.10	36,000	2.30%	Link
PVS	Dầu khí	45.5	-0.20%	0.90	855.00	5.70	1,992.00	22.80	110,500	20.80%	Link
PVD	Dầu khí	32.6	0.00%	1.20	712.00	8.30	1,200.00	27.20	45,000	18.40%	Link
POW	Tiện ích	11.2	0.90%	0.70	1,035.00	3.20	350.00	32.20	38,500	3.70%	Link
VHC	Thủy sản	75.7	1.10%	1.20	668.00	4.00	3,774.00	20.10	29,000	31.40%	Link
GMD	Logistics	84.8	0.50%	0.90	1,035.00	4.90	8,430.00	10.10	14,500	48.00%	Link
VNM	Bán lẻ	67	-0.30%	0.60	5,503.00	11.00	4,408.00	15.20	81,700	51.20%	Link
MSN	Bán lẻ	75.5	4.30%	1.30	4,467.00	36.50	215.00	350.60	27,700	26.30%	Link
MWG	Bán lẻ	59.6	-0.50%	1.50	3,425.00	21.00	717.00	83.10	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.1	2.00%	1.00	1,303.00	9.40	5,860.00	16.90	83,500	49.00%	Link
DGW	Bán lẻ	64	3.60%	1.90	420.00	9.70	2,200.00	29.10	90,900	23.50%	Link
FPT	Công nghệ	134.5	-0.70%	0.90	6,713.00	12.20	5,335.00	25.20	57,000	49.00%	Link
CTR	Công nghệ	134.4	0.30%	1.10	604.00	2.60	4,582.00	29.30	108,000	10.20%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	24.3	0.40%	0.90	2,782.00	7.90	3,809.00	6.40	1.50	18.50%	25.40%
VIB	Ngân hàng	22.3	0.00%	1.20	2,223.00	3.80	3,315.00	6.70	1.50	20.50%	24.30%
TPB	Ngân hàng	18.4	0.30%	1.30	1,592.00	8.80	2,050.00	9.00	1.20	28.80%	13.70%
MSB	Ngân hàng	14.3	-0.30%	1.20	1,124.00	2.30	2,310.00	6.20	0.90	29.60%	16.00%
EIB	Ngân hàng	17.8	-0.30%	1.10	1,214.00	3.40	1,147.00	15.50	1.30	3.50%	10.10%
HCM	Chứng khoán	29.5	0.70%	1.60	816.00	8.80	1,175.00	25.10	2.40	32.30%	8.30%
VCI	Chứng khoán	49.2	0.90%	1.80	846.00	9.70	1,409.00	34.90	2.60	20.50%	7.10%
VND	Chứng khoán	21.9	4.00%	1.60	1,048.00	18.70	2,057.00	10.60	1.60	19.80%	13.10%
BID	Ngân hàng	49.4	-0.50%	1.00	11,056.00	2.90	3,841.00	12.80	2.30	17.20%	20.30%
SHS	Chứng khoán	19.6	1.00%	1.70	626.00	14.10	1,076.00	18.20	1.50	9.80%	5.70%
LCG	Xây dựng	12.1	0.40%	1.50	92.00	1.60	655.00	18.50	0.90	2.20%	4.60%
HUT	Xây dựng	17.4	-0.60%	1.50	610.00	1.10	73.00	238.10	1.40	0.00%	0.70%
CTD	Xây dựng	71	4.00%	1.20	278.00	6.60	2,709.00	26.10	0.80	45.00%	2.30%
HHV	Xây dựng	13.2	0.40%	1.50	213.00	2.30	833.00	15.80	0.60	8.70%	4.20%
C4G	Xây dựng	10.1	0.00%	1.40	-	0.20	433.00	23.30	1.00	0.00%	4.90%
DIG	BĐS KCN	29.2	1.90%	1.90	701.00	21.30	(38.00)	-761.90	2.30	5.00%	2.10%
CEO	BĐS KCN	19.3	0.50%	1.30	390.00	4.70	312.00	61.90	1.60	5.20%	2.40%
KBC	BĐS KCN	30.8	1.00%	1.60	929.00	6.70	1,262.00	24.40	1.20	22.70%	11.70%
VGC	BĐS KCN	55	0.90%	1.30	969.00	0.90	2,746.00	20.00	2.50	5.30%	12.50%
SZC	BĐS KCN	43.2	1.10%	1.20	306.00	3.40	1,514.00	28.60	2.60	3.30%	13.40%
SIP	BĐS KCN	90.2	-1.10%	1.30	644.00	0.80	5,701.00	15.80	3.80	1.10%	26.90%
PHR	BĐS KCN	60.4	-1.00%	1.10	322.00	1.30	3,448.00	17.50	2.10	18.20%	18.30%
GVR	BĐS KCN	33.4	2.50%	1.50	5,243.00	8.30	628.00	53.10	2.40	0.50%	6.20%
NKG	Vật liệu	24.8	1.00%	1.70	257.00	6.00	1,222.00	20.30	1.20	14.30%	2.30%
BMP	Hóa chất	112.8	-5.30%	1.00	363.00	1.20	11,594.00	9.70	3.20	84.30%	39.10%
IJC	Bất động sản	14.5	2.10%	1.50	215.00	2.80	865.00	16.80	1.20	5.20%	10.30%
DXG	Bất động sản	17.4	0.90%	1.90	493.00	6.40	420.00	41.40	0.80	20.20%	1.10%
VRE	Bất động sản	23.1	2.00%	1.20	2,063.00	9.90	1,966.00	11.70	1.30	28.00%	12.40%
PDR	Bất động sản	26	1.00%	1.90	894.00	7.40	964.00	27.00	2.00	6.40%	7.20%
CSV	Hóa chất	64.3	-0.20%	1.60	112.00	1.50	4,370.00	14.70	1.90	3.70%	16.10%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	40.9	4.50%	1.10	129.00	2.80	3,461.00	11.80	1.70	37.70%	17.20%
PLX	Dầu khí	38	-0.70%	1.00	1,895.00	4.10	2,570.00	14.80	1.60	17.60%	10.70%
PLC	Dầu khí	29.1	1.70%	1.50	92.00	0.60	1,112.00	26.20	1.80	0.40%	8.40%
BSR	Dầu khí	19.6	0.50%	1.10	-	5.20	2,588.00	7.60	1.00	0.00%	15.60%
DRC	Săm lốp	33.4	-0.30%	0.70	156.00	2.50	2,286.00	14.60	2.10	12.90%	13.20%
PC1	Tiện ích	27.7	0.70%	1.30	339.00	2.70	651.00	42.50	1.20	7.10%	4.10%
HDG	Tiện ích	29.3	6.90%	1.30	352.00	8.90	2,061.00	14.20	1.20	17.40%	12.90%
GEX	Tiện ích	22.9	1.80%	1.90	766.00	10.10	625.00	36.70	0.90	9.60%	4.10%
QTP	Tiện ích	17	0.00%	0.60	-	0.20	1,549.00	11.00	1.40	1.20%	10.80%
REE	Tiện ích	68	-0.90%	0.90	1,092.00	4.00	4,706.00	14.50	1.30	49.00%	13.90%
ANV	Thủy sản	31.2	1.50%	1.40	164.00	1.50	(252.00)	-123.70	1.50	1.60%	1.50%
PTB	Thủy sản	70.9	-0.10%	0.70	186.00	1.40	4,765.00	14.90	1.70	24.90%	10.60%
PVT	Logistics	30	0.90%	0.90	415.00	9.80	3,150.00	9.40	1.00	13.00%	14.30%
VSC	Logistics	21.4	1.40%	1.50	225.00	3.50	532.00	40.30	1.70	1.50%	6.20%
HAH	Logistics	43.1	2.90%	1.40	179.00	10.50	3,081.00	14.00	1.40	4.00%	12.10%
VTP	Logistics	84.9	3.90%	1.30	406.00	7.50	2,980.00	28.50	6.30	7.30%	25.60%
DBC	Bán lẻ	33.4	6.40%	1.70	318.00	26.80	1,729.00	19.30	1.70	3.80%	0.50%
FRT	Bán lẻ	165.7	0.10%	0.80	887.00	3.90	(2,548.00)	-65.00	11.00	35.50%	11.80%
QNS	Bán lẻ	48.8	0.20%	0.70	-	1.40	6,737.00	7.20	2.00	15.20%	27.30%
DPM	Phân bón	35.1	0.30%	1.20	540.00	3.60	1,372.00	25.60	1.20	8.40%	4.20%
TNG	Dệt may	25.4	0.80%	1.10	113.00	4.30	1,981.00	12.80	1.60	20.60%	12.50%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký